TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 269/2022/HC-PT
Ngày 20/4/2022
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung

Ông Lê Hoàng Tấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:* Ông Bùi Minh Nghĩa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 596/2021/TLPT-HC ngày 16/12/2021 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2022/QĐ-PT ngày 08/3/2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1948;

Địa chỉ: 118A Lý Văn L, Khóm 5, Phường 1, TP.C, Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của Ông L: Bà Tô Mỹ L, sinh năm 1956; Địa chỉ: 118A Lý Văn L, Khóm 5, Phường 1, TP.C, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền ngày 15/10/2020) (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Hồ Nguyên L, là Luật sư của Công ty TNHH MTV T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Tứ H – Phó Chủ tịch là người đại diện theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền số 152/UBND-GUQ ngày 17/10/2020) (Có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Quốc Th, là Cán bộ của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh C. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Tô Mỹ L, sinh năm 1956; (Có mặt)

- Anh Phạm Thế P, sinh năm 1979; (Có đơn xin vắng mặt)

- Chị Phạm Yến T, sinh năm 1981; (Có mặt)

- Anh Phạm Hoàng D, sinh năm 1984; (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 118A Lý Văn L, Khóm 5, Phường 1, TP.C, Cà Mau.

- Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh C;

Người đại diện hợp pháp của trung tâm: Ông Đỗ Minh H – Trưởng phòng Kỹ thuật và Đo đạc bản đồ là người đại diện theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền số 80/TTKTCNQT-HC ngày 12/4/2022) (Có mặt)

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh C. (Có đơn xin vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Ngọc L là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2020 cùng các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Phạm Ngọc L trình bày:

Ông Phạm Ngọc L có phần đất tọa lạc tại phường T, thành phố C thuộc thửa 272, tờ bản đồ số 10 với diện tích 4.635m^2 được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (Giấy CNQSD) đất vào ngày 14/01/2000. Từ năm 2009 đến năm 2011, UBND thành phố C thu hồi phần đất trên để xây dựng 03 dự án, phần đất thu hồi có diện tích 4.509,30m^2 đối trừ thì phần đất của ông còn lại 125,70m^2. Ông L yêu cầu phần đất còn lại ông được tiếp tục sử dụng, nếu không được sử dụng thì Nhà nước phải đền bù theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2020, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Văn bản số 2286/UBND-NC với nội dung: Đất của Ông L bị ảnh hưởng 03 dự án, gồm: Dự án Trụ sở Bộ đội Biên phòng tỉnh, Dự án tuyến đường từ thành phố C đến Khu công nghiệp Khí - Điện - Đạm (viết tắt lộ Ngô Quyền nối dài), Dự án mở rộng Nhà điều hành và Nhà ở công vụ Ban QLDA Khí - Điện - Đạm với tổng diện

tích 4.509,30m^2. Sau khi đối trừ diện tích đã cấp theo Giấy CNQSD đất tại thửa 272 tờ bản đồ số 10 với diện tích thu hồi thực tế để thực hiện 03 dự án có chênh lệch 125,70m^2 = (4.635,00m^2 – 4.509,30m^2). Thực tế khi thực hiện 03 dự án thì phần diện tích đất thu hồi của hộ Phạm Ngọc L tại thửa 272 tờ bản đồ số 10, Giấy CNQSD đất cấp ngày 14/01/2000 đã hết diện tích.

Không đồng ý với trả lời của Chủ tịch UBND thành phố C nên Ông L làm đơn khởi kiện. Đơn khởi kiện ngày 19/10/2020 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết hủy Văn bản số 2286/UBND-NC ngày 01/10/2020 của Chủ tịch UBND thành phố C và buộc UBND thành phố C tiến hành đo đạc phần đất và giải quyết trả phần đất 125,70m^2 cho gia đình ông.

Tại phiên Đối thoại ngày 04 tháng 12 năm 2020, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Bùi Tứ H trình bày (Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa):

Việc cấp Giấy CNQSD đất và diện tích đo đạc sẽ có biến động do khi người dân chỉ ranh giới, diện tích có thể nhiều hơn hoặc ít hơn diện tích được cấp; theo diện tích đo đạc khi thu hồi thì cạnh phía Bắc và phía Nam đo nhiều hơn so với diện tích được cấp. Đối với cạnh phía Đông, phía Tây ít hơn diện tích được cấp là do việc quản lý đất đối với hộ giáp ranh chỉ ranh có chênh lệch nên xác định phần đất người khởi kiện không còn. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố C không chấp nhận yêu cầu của Ông L đo đạc lại thửa đất số 272 tờ bản đồ số 10 để xác định lại diện tích đất còn thừa sau khi thực hiện dự án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc L về việc khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 2286/UBND-NC ngày 01/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc L về việc khởi kiện yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố C tiến hành đo đạc phần đất và giải quyết trả phần đất 125,70m^2 cho gia đình ông.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Phạm Ngọc L có làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, đề nghị xét xử phúc thẩm lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và các ý kiến đã trình bày, đề nghị huỷ Văn bản số 2286/UBND-NC, ngày 01/10/2020 của Chủ tịch UBND thành phố C và buộc Uỷ ban nhân dân thành

phố C tiến hành đo đạc lại để trả phần đất có diện tích 125,70m^2 cho gia đình ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Có 03 quyết định thu hồi đất của hộ gia đình Ông L, nhưng cả 03 quyết định không trùng khớp về số thửa cũng như tờ bản đồ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Ông L. Diện tích đất bị thu hồi có sự chêch lệch với diện tích Ông L được cấp cụ thể là 125,7m^2. Tòa sơ thẩm xác định 125,7m^2 chưa có quyết định thu hồi đất có vị trí ở giữa thửa 43 và 61 là không có căn cứ vì trong hồ sơ vụ án không thể hiện người khởi kiện có trình bày nội dung này. Trong các văn bản 296 và 1042 đều không thể hiện nội dung thửa 80 và 87 chính là thửa 43 nhưng tòa sơ thẩm lại căn cứ vào đó cho rằng không có vị trí ngăn cách giữa thửa 43 và thửa 61 là không chính xác. Ngoài ra, tại Bản án hành chính phúc thẩm số 12/2016/HC-PT ngày 24/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau có thể hiện nội dung UBND thành phố C đồng ý tiếp tục giải quyết khiếu nại phần diện tích đất chênh lệch theo đo đạc thực tế là 125,7m^2, nhưng đến ngày 01/10/2020 lại ra Văn bản 2286 là không thực hiện theo như bản án đã tuyên. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của phía người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Đất của Ông L hiện nay đã được xây dựng theo các dự án nên không còn ranh, mốc giới thửa đất nên không thể tiến hành đo đạc lại được. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của Ông L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 11 năm 2021 người khởi kiện ông Phạm Ngọc L làm Đơn kháng cáo đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 55, Điều 204, Điều 205, Điều 206, Điều 209 của Luật Tố tụng Hành chính nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc L thì vụ án có quan hệ tranh chấp: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai".

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3.1] Người khởi kiện Phạm Ngọc L cho rằng phần đất của gia đình ông vẫn còn 125,70m^2 chưa có quyết định thu hồi, nằm ở giữa thửa 43 và thửa 61 có vị trí tại nhà 319 của Bộ đội Biên phòng hiện nay, trong phạm vi của Trụ sở Bộ đội Biên phòng tỉnh; phần đất này trước đây là nhà để xe buýt của gia đình Ông L.

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với yêu cầu này vào ngày 21/8/2015 UBND thành phố C ban hành Quyết định số 453/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất đối với Ông L để thực hiện ba dự án. Ông L không đồng ý với Quyết định trên nên đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Hủy Quyết định số 453/QĐ-UBND và yêu cầu xem xét. Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2016/HC-ST ngày 27/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố C và Bản án hành chính phúc thẩm số 12/2016/HC-PT ngày 24/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã xét xử bác yêu cầu khởi kiện của Ông L.

[3.2] Xét thấy, khi thực hiện dự án lộ Ngô Quyền nối dài, ngày 23/3/2006 Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường nay là Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tiến hành đo đạc và lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất, xác định phần đất thu hồi của Ông L có diện tích 146,7m^2 ký hiệu số hiệu thửa 43, thuộc một phần thửa số 272 tờ bản đồ số 10.

Đến tháng 11/2006, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh C tiến hành đo đạc phục vụ công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án trụ sở Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh xác định: Phần đất của Ông L nằm trong quy hoạch Dự án có diện tích 4.361,3m^2 gồm ký hiệu thửa 45 diện tích 61,3m^2 và thửa 61 diện tích 4.300,3m^2. Phần đất của Ông L còn lại ngoài quy hoạch của Dự án nhưng trong lộ giới có diện tích 213,5m^2 gồm ký hiệu thửa 80 diện tích 172m^2 và thửa 87 diện tích 41,5m^2. Tại các biên bản xác nhận đo đạc đều có Ông L ký tên xác nhận.

Tại các Văn bản số 296/TTKTCNQTTNMT ngày 29/10/2021 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường và Văn bản số 1042/VPĐKĐĐ ngày 29/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh C xác định: Vị trí đất thửa 80 và 87 chính là vị trí thửa đất 43; Phần đất của Ông L bị thu hồi làm lộ Ngô Quyền nối dài có cạnh hướng đông trùng lấp với cạnh hướng

tây của phần đất của Ông L bị thu hồi thực hiện dự án trụ sở Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Do đó, không còn phần đất nào có vị trí ngăn cách thửa 43 và 61 như trình bày của phía Ông L.

Phía Ông L cho rằng phần đất chưa có quyết định thu hồi trước đây là nhà để xe buýt gia đình, nhưng tại Biên bản điều tra kinh tế, xã hội học khi thực hiện Dự án trụ sở Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng Ông L chỉ đề nghị hỗ trợ chỗ ở mà không có ý kiến về việc ông còn phần đất cặp lộ Ngô Quyền nối dài chưa được bồi thường. Khi Ông L khởi kiện Quyết định số 453/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất đối với Ông L để thực hiện 03 Dự án cũng không đề cập đến việc phần đất ông còn thừa là nhà để xe buýt cũ.

Phía người khởi kiện cho rằng đất mình còn thừa 125,70m^2 là chỉ căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, xét về nguồn gốc đất là do ông nhận chuyển nhượng từ người khác nên khi thực hiện việc cấp Giấy cơ quan địa chính chỉ trích lục đo vẽ trên bản đồ chứ không đo đạc tại thực địa đối với phần đất được cấp. Khi thu hồi để thực hiện dự án, các cơ quan chức năng đã tiến hành đo đạc thực địa toàn bộ nên phần đất của hộ Ông L mặc dù trên Giấy CNQSD đất còn 125,70m^2 nhưng thực tế thì diện tích đất không còn nên cơ quan có thẩm quyền chỉ tính diện tích thực tế theo đo đạc để tính bồi thường cho Ông L là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, phần đất hiện nay đã được thực hiện theo các dự án nêu trên, nên hiện trạng sử dụng đất ban đầu của gia đình Ông L không còn, cơ quan chức năng không thể xác định được ranh giới thửa đất để đo đạc lại và lúc ban đầu đo đạc thì Ông L cũng ký tên thống nhất mà không có khiếu nại gì như đã phân tích ở trên. Do đó, việc toà sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông L về việc hủy Văn bản số 2286/UBND – NC ngày 01/10/2020 của Chủ tịch UBND thành phố C và yêu cầu của Ông L về việc buộc UBND thành phố C tiến hành đo đạc phần đất và giải quyết trả phần đất 125,70m^2 cho gia đình ông là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.3] Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có cơ sở chấp nhận. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Ông L phải chịu án phí. Ông Phạm Ngọc L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo luật định.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Ngọc L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Căn cứ khoản 2 và 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính; Điều 69 của Luật Đất đai 2013; Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc L về việc khởi kiện yêu cầu Hủy Văn bản số 2286/UBND – NC ngày 01/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C;

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc L về việc khởi kiện yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố C tiến hành đo đạc phần đất và giải quyết trả phần đất 125,70m^2 cho gia đình ông.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Ngọc L được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo luật định.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án 20/4/2022.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NTV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồ Tâm Tú